

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC NGÀNH THỦY SẢN

ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC ANH VĂN KHÔNG CHUYÊN 4 Mã số học phần: 410294

I. Thông tin về học phần

Tên học phần: ANH VĂN KHÔNG CHUYÊN 4

Tên Tiếng Anh: English- Intermediate

Đơn vị phụ trách:

- Bộ môn: Tiếng Anh
- Khoa: Ngoại Ngữ

Số tín chỉ: 3 tín chỉ (2 tín chỉ lý thuyết, 1 tín chỉ thực hành)

Phân bố thời gian: 15 tuần (lý thuyết và thực hành xen kẽ)

Học kỳ: 4 (học kỳ II năm thứ 2)

Các giảng viên phụ trách học phần:

- *GV phụ trách chính:* Nguyễn Thị Ngọc Vân (SĐT: 0914465090; Email: ntvvan@tvu.edu.vn)
- *Danh sách giảng viên cùng GD:* Trịnh Mộng Ngọc (SĐT: 0908094626; Email: trinhthimongngoc92@gmail.com)

Điều kiện tham gia học tập học phần:

- *Môn học tiên quyết:* Anh văn không chuyên 3
- *Môn học trước hoặc song song:*
- **Học phần thuộc khối kiến thức:**

Đại cương <input checked="" type="checkbox"/>		Chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>					
Bắt buộc	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input type="checkbox"/>		Chuyên sâu <input type="checkbox"/>	
		Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>
<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>						

Ngôn ngữ giảng dạy: tiếng Anh Tiếng Việt

II. Lần biên soạn/hiệu chỉnh

- **Lần thứ:** 2

- **Ngày hiệu chỉnh:** 14/8/2018

- **Lý do và nội dung hiệu chỉnh:**

(a) Thiết kế mới theo chương trình cải tiến AUN-QA (version 2018)

(b) Cập nhật đề cương môn học hàng năm theo Qui định của Trường Đại học Trà Vinh: cập nhật nội dung, PPGD tích cực và Rubric đánh giá.

III. Mô tả học phần

Học phần cuối này giúp sinh viên phát triển thêm kiến thức ngôn ngữ và những trải nghiệm sử dụng ngôn ngữ của mình ở bậc B1 theo Khung tham chiếu Châu Âu (CEFR). Sinh viên thể hiện năng lực ngôn ngữ qua các chủ điểm như friends, self-discoveries, persuading people, travellers' tales, celebrities, eating out and choices; đồng thời sinh viên cũng sẽ làm quen dạng đề thi đánh giá năng lực theo Khung tham chiếu Âu (CEFR).

IV. Mục tiêu và kết quả học tập mong đợi

*** Mục tiêu:**

- *Học phần nhằm trang bị cho sinh viên các kiến thức về:*

- Xác định những kiến thức căn bản và kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Anh tương đương trình độ B1 theo khung châu Âu (CEFR).
- Biết được các vấn đề thường gặp trong cuộc sống như: thế nào là tình bạn, những thuận lợi và bất lợi của việc mua sắm, hay các câu chuyện về những trải nghiệm du lịch, sự khác biệt giữa nam và nữ trong suy nghĩ và trong việc làm.
- Học được thêm một số từ vựng phục vụ cho giao tiếp hàng ngày.
- Biết được các điểm ngữ pháp căn bản như: thì, thể bị động, câu tường thuật, câu điều kiện, modal verbs,...
- Ở mỗi bài đều rèn các kỹ năng ngôn ngữ và rèn luyện kỹ năng làm bài thi.
- Có hai bài ôn tập tổng hợp, giúp sinh viên ôn lại tất cả những gì đã được học ở những bài trước đó.

- Kỹ năng về:

- Xác định nội dung cơ bản của những đoạn đối thoại và mẫu tin ngắn được trình bày rõ ràng xoay quanh các chủ giao tiếp hàng ngày.
 - Nắm được nội dung chính trong các bài đọc ngắn, các cuộc hội thoại hoặc các lời kể của một số nhân vật.
 - Hỏi đáp và diễn đạt ý tưởng sử dụng dạng câu hỏi Yes-No và WH-questions, các mẫu câu thông dụng, một số thì thường dùng và vốn từ vựng về các chủ đề quen thuộc trong giao tiếp hàng ngày.
 - Xác định ý chính và ý chi tiết của những mẫu tin, bài đọc có độ dài từ 200– 300 từ có từ vựng và cấu trúc ngữ pháp đơn giản xoay quanh những chủ đề giao tiếp quen thuộc.

- Viết một đoạn văn, một lá thư hay một e-mail có độ dài khoảng 100 từ, viết các mẫu tin nhắn để đưa ra lời đề nghị, cách đồng ý và không đồng ý và đưa ra ý kiến cá nhân, viết một lá thư mô tả một buổi hòa nhạc, hay kể lại một câu chuyện, những dạng bài viết ngắn sử dụng từ vựng, cấu trúc câu đơn giản và dấu câu, hoặc viết lại câu không đổi nghĩa.

- Vai trò: Yêu nghề, ý thức trách nhiệm trong công việc

*** Kết quả học tập mong đợi của học phần:**

Học phần đóng góp cho Chuẩn đầu ra sau đây của CTĐT theo mức độ sau: (*Bảng dưới đây là trích ngang của Matrix : Sự đóng góp của mỗi học phần cho ELOs của CTĐT*).

N (Non support): No contributions to outcomes

S (Support): Contribution to outcomes

H (Highly support): Contribute more to outcomes

Anh văn không chuyên 4	ELO1	ELO2	ELO3	ELO4	ELO5	ELO6	ELO7	ELO8	ELO9	ELO10	ELO11
	S	N	N	N	S	S	H	N	N	N	S

Ký hiệu	KQHTMD của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên thực hiện được	CĐR của CTĐT
Kiến thức		
CELO 1	Áp dụng được từ vựng, điểm ngữ pháp khá lưu loát, văn hóa của một số nước nói tiếng Anh để có thể giao tiếp bằng tiếng Anh thông qua các chủ đề trong xã hội và học thuật (nói, viết, đọc hiểu, nghe hiểu).	ELO 1
Kỹ năng		
CELO 2	Vận dụng được các chiến thuật để xác nhận nội dung chính của những đoạn hội thoại và mẫu tin ngắn được trình bày xoay quanh các chủ đề giao tiếp hàng ngày.	ELO5
CELO 3	Phát triển kỹ năng làm việc độc lập, làm việc cặp, nhóm, kỹ năng lắng nghe người khác.	ELO 6
CELO 4	Giao tiếp tiếng Anh cơ bản về chủ đề gần gũi, quen thuộc (nói, viết, đọc hiểu và nghe hiểu)	ELO7
Thái độ		
CELO 5	Có được ý thức tự học, hỏi nhầm nâng cao trình độ tiếng Anh để tiếp tục ở bậc học cao hơn.	ELO11

V. Phương pháp giảng dạy và học tập

1. Phương pháp giảng dạy

- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu video
- Thảo luận theo cặp/nhóm
- Hướng dẫn thuyết trình

2. Phương pháp học tập

- Sinh viên tự đọc tài liệu, phát triển giả thuyết và câu hỏi liên quan
- Sinh viên tham gia nghe giảng, thảo luận nhóm
- Thực hiện thuyết trình

VI. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Sinh viên phải tham dự ít nhất 80% cho phần lý thuyết và 100% cho phần thực hành.
- Chuẩn bị cho bài giảng: Sinh viên phải đọc textbook, giảng viên cung cấp; làm các bài tập nhỏ tại lớp.
- Thái độ: tích cực tham gia đặt câu hỏi, trao đổi, cầu thị.

VII. Đánh giá và cho điểm

1. Thang điểm: 10

2. Trọng số

Đánh giá quá trình: 50% Thi cuối kỳ: 50%: Thi trên máy tính

VIII. Nội dung môn học

1. Nội dung cơ bản, cốt lõi tối thiểu (chiếm khoảng 80% thời lượng giảng dạy):

Môn học nhằm giúp cho người học (i) có một kiến thức tổng quan về các kỹ năng cơ bản của anh văn không chuyên, (ii) Biết viết email iii) đưa ra ý kiến cá nhân.

2. Nội dung cập nhật, giới thiệu thêm (chiếm khoảng 20% thời lượng giảng dạy):

Kỹ năng trình bày trước đám đông và kỹ năng tìm kiếm tài liệu; kỹ năng làm việc nhóm

Phương pháp đánh giá

Chương	CELOs	Hình thức đánh giá	Nội dung đánh giá
Unit 23: Best friends?:	CELO1 CELO2 CELO3 CELO4 CELO5	Trình bày, làm việc nhóm, đọc tài liệu, nghe và nói	Nghe hiểu Biết và sử dụng mệnh đề quan hệ Nhận dạng và sử dụng đúng Adjective + preposition
Unit 24: I've got an idea:	CELO1 CELO2 CELO3 CELO4 CELO5	Trình bày, làm việc nhóm, đọc tài liệu, nghe và nói	Nhận biết các phát minh Đọc và ráp các đoạn văn để thành một bài văn hoàn chỉnh Hiểu và sử dụng bị động của thì quá khứ và bị động của thì tương lai Nói về các phát minh quan trọng
Unit 25: Shop till you drop:	CELO1 CELO2 CELO3 CELO4 CELO5	Trình bày, làm việc nhóm, đọc tài liệu, nghe và nói	Trình bày về những thuận lợi và khó khăn của “online shopping, shopping center, small shops/stores, markets” Nghe hiểu Nhắc lại câu tường thuật, too much, too many, not enough. Luyện phát âm dấu nhấn trong câu Viết về shopping
Unit 26: Persuading people	CELO1 CELO2 CELO3 CELO4 CELO5	Trình bày, làm việc nhóm, đọc tài liệu, nghe và nói	Nhận biết thương hiệu nổi tiếng và nói về quảng cáo. Tranh luận về quảng cáo và sử dụng hàng hiệu. Đọc hiểu
Unit 27: Traveller's tales	CELO1 CELO2 CELO3 CELO4 CELO5	Trình bày, làm việc nhóm, đọc tài liệu, nghe và nói	Nghe hiểu về chủ đề travelling Adverbs at the beginning of sentences. Reflexive pronouns. Every, each, all. Viết về lợi ích của việc đi du lịch

Unit 28: What would you do?	CELO1 CELO2 CELO3 CELO4 CELO5	Trình bày, làm việc nhóm, đọc tài liệu, nghe và nói	Nhận dạng những người nói tiếng Viết một đoạn essay về lợi ích và mặt trái của việc nói tiếng. Đọc hiểu Câu điều kiện loại hai. Luyện pronunciation “s ‘ve ‘ll ‘d ‘re”
Unit 29: What’s on the menu	CELO1 CELO2 CELO3 CELO4 CELO5	Trình bày, làm việc nhóm, đọc tài liệu, nghe và nói	Nhận biết và áp dụng từ vựng về món ăn. Nghe hiểu So do I and neither/ nor I do. Polite question forms. Phát âm /ə/

Bảng 1. Matrix đánh giá KQHTMĐ của học phần

Các KQHTMĐ của HP	Tham gia lớp học và xung phong phát biểu (10%)	Kiểm tra tích hợp trên giấy (20 %)	Vấn đáp (20%)	Thi cuối kỳ (50 %)
CELO1	X	X	X	X
CELO2	X	X	X	X
CELO3	X	X	X	X
CELO4	X	X	X	X
CELO5	X			

IX. Nội dung chi tiết của học phần

A. Phần lý thuyết (10 tuần)

Tuần	Nội dung chi tiết	KQHTMĐ của học phần
1	Unit 23: Best friends?: Nhìn hình và đưa ra ý kiến chọn ai làm bạn. Chọn tiêu chí một người bạn thân. Nghe hiểu Biết và sử dụng mệnh đề quan hệ Nhận dạng và sử dụng đúng Adjective + preposition Làm exam folder 23	CELO1 CELO2 CELO3 CELO4 CELO5

2	Unit 24: I've got an idea: Cho sinh viên nhận biết các phát minh Đọc và ráp các đoạn văn để thành một bài văn hoàn chỉnh Hiểu và sử dụng bị động của thì quá khứ và bị động của thì tương lai Nói về các phát minh quan trọng Làm exam folder 24	CELO1 CELO2 CELO3 CELO4 CELO5
3	Unit 25: Shop till you drop: Trình bày về những thuận lợi và khó khăn của “online shopping, shopping center, small shops/stores, markets” Nghe hiểu Nhắc lại câu tường thuật, too much, too many, not enough. Luyện phát âm dấu nhấn trong câu Viết về shopping Làm exam folder 25	CELO1 CELO2 CELO3 CELO4 CELO5
4	Unit 26: Persuading people Nhận biết thương hiệu nổi tiếng và nói về quảng cáo. Tranh luận về quảng cáo và sử dụng hàng hiệu. Đọc hiểu	CELO1 CELO2 CELO3 CELO4 CELO5
5	Unit 27: Traveller's tales Nghe hiểu về chủ đề travelling Adverbs at the beginning of sentences. Reflexive pronouns. Every, each, all. Viết về lợi ích của việc đi du lịch Làm exam folder 27	CELO1 CELO2 CELO3 CELO4 CELO5
6,7,8,9	Unit 28: What would you do? Nhận dạng những người nổi tiếng Viết một đoạn essay về lợi ích và mặt trái của việc nổi tiếng. Đọc hiểu Câu điều kiện loại hai. Luyện pronunciation “s ‘ve ‘ll ‘d ‘re” Làm Exam folder 28	CELO1 CELO2 CELO3 CELO4 CELO5
10	Unit 29: What's on the menu Nhận biết và áp dụng từ vựng về món ăn. Nghe hiểu So do I and neither/ nor I do. Polite question forms. Phát âm /ə/ Làm exam folder 29	CELO1 CELO2 CELO3 CELO4 CELO5

B. Phần thực hành (7 tuần)

Tuần	Nội dung chi tiết	KQHTMD của học phần
1	Unit 23: Best friends?: Trình bày, làm việc nhóm, đọc tài liệu, nghe và nói	CELO1, CELO2 CELO3, CELO4 CELO5
1	Unit 24: I've got an idea: Trình bày, làm việc nhóm, đọc tài liệu, nghe và nói	CELO1, CELO2 CELO3, CELO4 CELO5

2	Unit 25: Shop till you drop Trình bày, làm việc nhóm, đọc tài liệu, nghe và nói	CELO1, CELO2 CELO3, CELO4 CELO5
2	Unit 26: Persuading people Trình bày, làm việc nhóm, đọc tài liệu, nghe và nói	CELO1, CELO2 CELO3, CELO4 CELO5
2	Unit 27: Traveller's tales Trình bày, làm việc nhóm, đọc tài liệu, nghe và nói	CELO1, CELO2 CELO3, CELO4 CELO5
3	Unit 28: What would you do? Trình bày, làm việc nhóm, đọc tài liệu, nghe và nói	CELO1, CELO2 CELO3, CELO4 CELO5
4	Unit 29: What's on the menu Trình bày, làm việc nhóm, đọc tài liệu, nghe và nói	CELO1, CELO2 CELO3, CELO4 CELO5

X. Giáo trình/ tài liệu tham khảo

- Sách, giáo trình chính

Has hemi, L., & Thomas, B. (2010). Cambridge English – Objective Pet, 2nd edn. United Kingdom: Cambridge University Press.

- Tài liệu tham khảo:

Has hemi, L., & Thomas, B. (2008). Objective Pet for Schools. Copyright, First News.

XI. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần:

- Phòng học, thực hành: phòng lý thuyết, phòng LAB
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Máy tính, máy chiếu, loa

ĐH Trà Vinh, ngày 5. tháng 8 năm 2018

B. TRƯỞNG BỘ MÔN

TRƯỞNG KHOA

Nguyễn Thị Phương Nam

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

Nguyễn Thị Ngọc Vân

PHỤ LỤC

Rubric 1: Đánh giá chuyên cần và tham dự các hoạt động trong lớp (10%)

Tiêu chí	Trọng số 10 (%)	Tốt 20 %	Khá 15%	Trung bình 10%	Kém 0%
Thái độ tham dự	5	Tích cực tham gia các hoạt động	Có tham gia các hoạt động	Ít tham gia các hoạt động	Không tham gia các hoạt động
Thời gian tham dự	5	Tham gia đầy đủ các buổi học trên lớp	Vắng 1-3 buổi	Vắng 4-5 buổi	Vắng từ 6 buổi trở lên

Rubric 2: Đánh giá kiểm tra giữa kỳ-Midterm (40%)

Tiêu chí	Điểm (thang điểm 10)	Tốt 100%	Khá 75%	Trung bình 50%	Kém 0%
Nghe	3	Trả lời đầy đủ, rõ ràng, và thỏa đáng tất cả các câu hỏi	Trả lời đúng đa số câu hỏi dựa trên số câu trả lời đúng (75% trên tổng điểm toàn phần)	Trả lời đúng đa số câu hỏi dựa trên số câu trả lời đúng (50% trên tổng điểm toàn phần)	Trả lời sai tất cả các câu hỏi hoặc không tham gia hoạt động kiểm tra
Đọc	4	Trả lời đầy đủ, rõ ràng, và thỏa đáng tất cả các câu hỏi	Trả lời đúng đa số câu hỏi dựa trên số câu trả lời đúng (75% trên tổng điểm toàn phần)	Trả lời đúng đa số câu hỏi dựa trên số câu trả lời đúng (50% trên tổng điểm toàn phần)	
Viết	3	<i>Bài viết có cấu trúc logic-mạch lạc, nội dung chính xác; Sử dụng từ ngữ sinh động, lôi cuốn.</i>	<i>Bài viết có cấu trúc logic-mạch lạc, nội dung chính xác; Sử dụng từ ngữ cẩn thận, chính xác.</i>	Bài viết sử dụng từ ngữ hoặc cấu trúc ở mức hạn chế, nhưng vẫn đáp ứng yêu cầu của đề bài.	Bài viết sử dụng từ ngữ hoặc cấu trúc không rõ ràng, không đáp ứng yêu cầu của đề bài; Hoặc không tham gia hoạt động kiểm tra

Rubric 3: Kiểm tra Vấn đáp (40%)

Tiêu chí	Tỉ lệ phần trăm	Mức độ			
		Tốt	Khá	Trung bình	Yếu
<i>Fluency and Coherence (trôi chảy & mạch lạc)</i>	10%	10->8%	8->6%	6->4%	4-0%
<i>Lexical Resources (khả năng sử dụng ngôn từ)</i>	10%	10->8%	8->6%	6->4%	4-0%
<i>Grammar Range and Accuracy (ngữ pháp)</i>	10%	10->8%	8->6%	6->4%	4-0%
<i>Pronunciation (phát âm)</i>	10%	10->8%	8->6%	6->4%	4-0%
	40%				

Rubric 3: Kiểm tra Văn답 (40%)

Tiêu chí	Tỉ lệ phần trăm	Mức độ			
		Tốt	Khá	Trung bình	Yếu
<i>Fluency and Coherence (trôi chảy & mạch lạc)</i>	10%	10->8%	8->6%	6->4%	4-0%
<i>Lexical Resources (khả năng sử dụng ngôn từ)</i>	10%	10->8%	8->6%	6->4%	4-0%
<i>Grammar Range and Accuracy (ngữ pháp)</i>	10%	10->8%	8->6%	6->4%	4-0%
<i>Pronunciation (phát âm)</i>	10%	10->8%	8->6%	6->4%	4-0%
	40%				